TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 371/2019/DS-ST
Ngày: 30 - 8 - 2019
V/v: Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tuân

2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh**.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Lê Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 và ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2018/TLST-DS ngày 30/7/2018 về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST- DS ngày 02/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T.

Địa chỉ: 909/6 Trường C, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1968 (theo văn bản ủy quyền ngày 04/7/2018) (có mặt trong phiên xét xử, có đơn yêu cầu vắng mặt trong buổi tuyên án).

Địa chỉ: 16 Nguyễn Thái B, Phường X, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Phạm Thanh T - sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: 299/19A Bùi Thị X, Phường I, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2018 của nguyên đơn và bản tự khai ngày 27/8/2018 của đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Đình C trình bày:

Ngày 04/12/2013 công ty TNHH T (gọi tắt là công ty T) và ông Phạm Thanh T (gọi tắt là ông T) có ký cam kết về việc chuyển nhượng 2552m^2 đất với giá 18.100.000.000đ. Sau đó hai bên đã thực hiện đầy đủ thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Thực hiện thỏa thuận, ông T đã thanh toán cho công ty T 13.600.000.000đ, ông T còn nợ lại 4.500.000.000đ.

Ngày 05/7/2019 ông T đã ký xác nhận còn nợ công ty T 4.500.000.000đ tại Văn phòng thừa phát lại Quận 5, Thành phố Hố Chí Minh (vi bằng số 693/2014/VPTPLQ5) và hứa thanh toán với nội dung như sau:

Ngày 30 hàng tháng trả 500.000.000đ;

Số tiền ông Tuấn chưa trả cho công ty T, thì ông T phải chịu lãi suất 1,5%/tháng, và sẽ được thanh toán vào ngày 30 hàng tháng;

Khi nào ông T trả hết số tiền và lãi phát sinh thì ông Tuấn mới nhận được mặt bằng;

Việc trả nợ bắt đầu từ ngày 15/7/2014.

Nhưng đến hạn thanh toán ông T không thực hiện đúng thỏa thuận như đã cam kết. Ngày 10/3/2015 ông T mới thanh toán cho công ty T số tiền sau:

Từ ngày 10/3/2015 đến ngày 05/02/2016 ông Tuấn trả được 17 lần, với tổng số tiền 231.000.000đ, nếu tính lãi chậm trả theo thỏa thuận thì ông T đã trả được 4 tháng.

Nay công ty T yêu cầu ông T phải trả số tiền gốc còn thiều là 4.500.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận được tính từ khi ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, bắt đầu từ ngày 16/7/2014 đến 16/7/2018 là 3.009.000.000đ, tổng số tiền gốc và lãi là 7.509.000.000đ.

Tòa án đã triệu tập ông Tuấn đến Tòa án để tự khai, công khai chứng cứ và hòa, nhưng ông T vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay,

Ông Nguyễn Đình C – đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/12/2013 công ty T và ông T có ký cam kết về việc chuyển nhượng 2552m^2 đất với giá 18.100.000.000đ. Sau đó hai bên đã thực hiện đầy đủ thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Thực hiện thỏa thuận, ông T đã thanh toán cho công ty T 13.600.000.000đ, ông T còn nợ lại 4.500.000.000đ.

Ngày 05/7/2019 ông T đã ký xác nhận còn nợ công ty T 4.500.000.000đ tại Văn phòng thừa phát lại Quận 5, Thành phố Hố Chí Minh (vi bằng số 693/2014/VP - TPLQ5 ngày 05/7/2014 tại Văn phòng thừa phát lại Quận 5), và hứa thanh toán như sau:

Ngày 30 hàng tháng trả 500.000.000đ;

Số tiền ông T chưa trả cho công ty T, thì ông T phải chịu lãi suất 1,5%/tháng, và sẽ được thanh toán vào ngày 30 hàng tháng;

Khi nào ông T trả hết số tiền và lãi phát sinh thì ông T mới nhận được mặt bằng;

Việc trả nợ bắt đầu từ ngày 15/7/2014.

Nhưng đến hạn thanh toán, ông T không thực hiện đúng thỏa thuận như đã cam kết, ngày 10/3/2015 ông T mới thanh toán cho Công ty T số tiền sau:

Từ ngày 10/3/2015 đến ngày 05/02/2016 ông Tuấn trả được 17 lần, với tổng số tiền 231.000.000đ, nếu tính lãi chậm trả theo thỏa thuận thì ông T đã trả được 4 tháng.

Nay ông đại diện công ty T yêu cầu cá nhân ông T phải thanh toán cho công ty T tiền gốc là 4.500.000.000đ và tiền lãi theo quy định quy định của pháp luật là 9%/năm.

Tiền lãi được tính từ ngày 16/7/2014 là ngày ông Tuấn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày 26/8/2019 là 61 tháng, 10 ngày, nhưng ông tính tròn 60 tháng

bằng: 4.500.000.000đ x 9% x 60 tháng = 2.025.000.000đ và trừ đi số tiền lãi mà ông Tuấn đã trả của 17 lần trước là 231.000.000đ, số tiền lãi còn lại là 2.025.000.000 – 231.000.000đ = 1.794.000.000đ

Tổng số tiền mà ông T phải trả là 4.500.000.000đ + 1.794.000.000đ = 6.294.000.000đ.

Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Phạm Thanh T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viển kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Phạm Thanh T phải thanh toán cho công ty T 4.500.000.000đ tiền gốc và 1.794.000.000đ tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tại thời điểm công ty TNHH T khởi kiện, thì bị đơn – ông Phạm Thanh T có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại 299/19A Bùi Thị X, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo kết quả xác minh ngày 28/8/2018 của Công an Phường 1, quận Tân Bình thì ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 229/19A Bùi Thị X, Phường I, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng thực tế không cư trú tại địa phương từ năm 2008. Do đó, Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý; giấy triệu tập để tự khai; thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất ngày 29/7/2019, lần thứ hai ngày 26/8/2019 cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về áp dụng pháp luật để giải quyết: Căn cứ bản sao giấy xác nhận nợ ngày 05/7/2014 giữa công ty T với ông Phạm Thanh T thể hiện việc xác lập được thực hiện vào thời điểm bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật. Do đó, Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Phạm Thanh T phải thanh toán 4.500.000.000đ tiền gốc. Tòa án xét thấy:

Căn cứ hợp đồng mua bán ngày 04/12/2013 giữa công ty T và ông T có ký cam kết về việc chuyển nhượng 2552m^2 đất với giá 18.100.000.000đ. Sau đó hai bên đã thực hiện đầy đủ thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Thực hiện thỏa thuận, ông T đã thanh toán cho công ty T 13.600.000.000đ, ông T còn nợ lại 4.500.000.000đ.

Theo giấy xác nhận nợ ngày 05/7/2014 giữa công ty T và ông T thể hiện: Ngày 05/7/2019 ông T đã ký xác nhận còn nợ công ty T 4.500.000.000đ tại Văn phòng thừa phát lại Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vi bằng số 693/2014/VP - TPLQ5 ngày 05/7/2014 tại Văn phòng thừa phát lại Quận X), và hứa thanh toán như sau:

Ngày 30 hàng tháng trả 500.000.000đ;

Số tiền ông Tuấn chưa trả cho công ty T, thì ông T phải chịu lãi suất 1,5%/tháng, và sẽ được thanh toán vào ngày 30 hàng tháng;

Việc trả nợ bắt đầu từ ngày 15/7/2014.

Quá trình thực thực hiện ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể, đến ngày 15/7/2014 ông T không đến công ty T để thanh toán tiền, sau đó đến năm 2015 ông T trả cho công ty T được tổng số 231.000.000đ tiền lãi (theo giấy viết tay giữa ông T và ông Lê Tấn L – giám đốc công ty T).

Tại khoản 1 Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời gian và phương thức đã thỏa thuận".

Tại khoản 1 Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "Bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền".

Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập để tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Tuấn không đến Tòa án trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ phản bác lại yêu cầu của công ty T. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty T.

Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, Tòa án xét thấy việc công ty T yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền gốc là 4.500.000.000đ là có sở, không trái luật, nên chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 16/7/2014 là ngày ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày 26/8/2019 là 61 tháng, 10 ngày, nhưng ông tính tròn 60 tháng theo lãi suất pháp luật quy định là 9%/năm, bằng: 4.500.000.000đ x 9% x 60 tháng = 2.025.000.000đ và trừ đi số tiền lãi mà ông Tuấn đã trả của 17 lần trước là 231.000.000đ, số tiền lãi còn lại là 2.025.000.000đ – 231.000.000đ = 1.794.000.000đ .Tòa án xét thấy:

Tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Theo quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước thì mức lãi suất cơ bản được áp dụng từ ngày 01/12/2010 là 9%/năm, suất quá hạn là 150% = 13,5%/năm.

Từ những căn cứ pháp luật nêu trên, Tòa án xét thấy việc công ty T yêu cầu tiền lãi từ ngày 16/7/2014 là ngày ông T vi phạm Nghĩa vụ thanh toán, với lãi suất 9%/năm là đúng quy đúng pháp luật, thời gian tính lãi 60 tháng là có lợi cho bị đơn, nên chấp nhận.

[6] Về thời hạn thanh toán: Công ty T yêu cầu ông T phải thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái luật, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Phạm Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm là 114.294.000đ. Hoàn lại công ty T số tiền 57.583.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147, khoản 4 Điều 264 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 290, 292, 302 và 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của công ty TNHH T.

Ông Phạm Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho công ty TNHH T số tiền gốc và lãi theo giấy xác nhận nợ ngày 05/7/2014 giữa công ty TNHH T với ông Phạm Thanh T gồm: 4.500.000.000đ (bốn tỉ năm trăm triệu đồng) tiền gốc và 1.794.000.000đ (một tỉ bảy trăm chín mươi bốn triệu đồng) tiền lãi. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 6.294.000.000đ (sáu tỉ hai trăm chín mươi bốn triệu đồng).

Thời hạn thi hành: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Phạm Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm dân sự là 114.294.000đ (một trăm mười bốn triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn đồng). Hoàn lại công ty TNHH T 57.583.000đ (năm mươi bảy triệu năm trăm tám mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008670 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q. TB;
- THADS Q. TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tiến Quang